

Góp ý với bài viết của anh Trần Hải Hạc

Vũ Quang Việt
4.2.2003

Dưới đây là vài điểm góp ý vào bài viết của anh Trần Hải Hạc: «Học Thuyết Marx, Đảng Cộng Sản Việt Nam và Vấn Đề Bóc Lột». Bài viết này đặc biệt có giá trị khi bàn về nội dung nhà nước xã hội chủ nghĩa hiện thực ở Liên Xô thời Lenin và ở Việt Nam hiện nay. Về vấn đề bóc lột, bài viết làm sáng tỏ thêm quan điểm của Marx về lý thuyết thặng dư lao động và trên quan điểm của Marx phê phán bài viết của tôi về việc nhìn nhận lại Marx nếu tôi hiểu không lầm. Nhận định lại quan điểm của Marx về lý thuyết thặng dư của tôi không dựa trên quan điểm của Marx như anh nhận xét. Cho nên việc nhìn nhận lại và phê phán phát xuất từ hai góc độ khác nhau. Ngoài việc làm rõ thêm về điểm này, tôi cũng chỉ nhân cơ hội nói lại này để làm sáng tỏ thêm khả năng thực tế của việc thực hiện liên hệ giữa lý thuyết thặng dư, xoá bỏ tư hữu và nhà nước xã hội chủ nghĩa.

I. Vấn đề nội dung của chủ nghĩa xã hội:

Anh viết rất hay và sâu sắc về vấn đề này, tức là giải trình rất rõ về các quan điểm mù mờ của các nhà lý thuyết về chủ nghĩa xã hội như Marx và Lenin. Do lấy xoá bỏ bóc lột làm mục tiêu, các nhà lý thuyết về chủ nghĩa xã hội đã cổ võ cách mạng xoá bỏ tư hữu, nhằm xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội trong hiện thực đã không vượt khỏi những cuộc thử nghiệm về nhà nước mà về mặt chính trị và pháp lý là do đảng cộng sản nhân danh công nhân cầm quyền và về kinh tế thì lúc trước đây dựa vào quốc hữu hoá nhằm tước hữu và hiện nay là chấp nhận nền kinh tế thị trường nhiều thành phần nhưng lấy quốc doanh làm chủ đạo để đối phó với một nền kinh tế hiệu quả thấp. Cơ bản của cuộc cải cách kinh tế vừa qua ở Việt Nam cũng như ở Trung Quốc là tạm thời chấp nhận quyền tư hữu (bóc lột) nhưng lấy quốc doanh làm chủ đạo. Về mặt chính trị, mặc dù có mở rộng quyền dân chủ nhưng vẫn giữ vững vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản.

Bài viết cũng lý luận là bóc lột của tư bản tư nhân trong xã hội tư bản đã chuyển hoá thành bóc lột của nhà nước quan liêu mà đại diện của nó là ban lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước và ban lãnh đạo cơ quan chủ quản. Phải chăng ở đây có thể hiểu là đảng nhân danh nhân dân để tóm thâu thặng dư nhằm lợi ích chung là bóc lột? Theo tôi nghĩ không thể kết luận như thế nếu như nhân dân lao động đồng ý với việc việc thâu tóm thặng dư này và có quyền tự chủ trong việc định đoạt việc sử dụng thặng dư. Tuy vậy việc nhà nước nắm thặng dư mà không có tính bóc lột đòi hỏi nhà nước phải giải quyết hai vấn đề. Một là vấn đề thiếu khả năng quản lý của một nhà nước quan liêu để năng suất thấp và để tạo kẽ hở cho tham nhũng là một vấn đề khác; nó là con đẻ của thể chế nhà nước quan liêu. Về mặt nguyên tắc nếu xoá bỏ được tính quan liêu của nhà nước kiểu này thì có thể xoá bỏ được những mặt trái của nó. (Có thể xoá bỏ được không là vấn đề khác.) Hai là vấn đề quyền tự chủ của người lao động trong việc sử dụng thặng dư. Nhà nước nhân danh công nhân cầm quyền này không phải là mục tiêu của Marx, nhưng mục tiêu của chủ nghĩa xã hội do Marx đề xướng và thể chế tương lai nhằm thực hiện được mục tiêu đó lại không rõ ràng. Điểm này anh đã nhắc đến trong chú thích [32]:

« Nội dung của chủ nghĩa xã hội chỉ được Marx phác hoạ một số đặc điểm mà thôi. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng đó không phải là tăng trưởng kinh tế hay quan tâm về công bằng xã hội, cũng không phải là kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội — nội dung này, chủ nghĩa tư bản, trong mô hình dân chủ xã hội, đã có thể thực hiện nó một cách tương đối (điển hình là những nước Bắc Âu trong nửa sau thế kỷ XX). Có thể nói rằng nội dung đặc thù của chủ nghĩa xã hội xoay quanh tính tự chủ của những con người hợp tác tự do và bình đẳng trong xã hội. »

Trong trang 4 anh Hạc có viết thêm về nội dung chủ nghĩa xã hội trên cơ sở của chú thích [32]:

« Quan hệ về phân phối sản phẩm : Về danh nghĩa, sản phẩm xã hội của những người lao động liên hiệp được phân phối theo lao động, tức là nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, theo đó thù lao của mỗi người tương ứng với đóng góp cá nhân vào lao động xã hội, thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa về thù lao theo giá trị trao đổi của sức lao động. Trong cụ thể, nội dung của quan hệ phân phối không chỉ có thế bởi vì cộng đồng xã hội, trước tiên, phải khấu trừ đi các khoản cần thiết để tái sản xuất mở rộng (khấu hao, đầu tư) và để đảm bảo cuộc sống tập thể (hành chính nhà nước, dịch vụ công cộng, phúc lợi xã hội), phần sản phẩm xã hội còn lại mới qui thành thu nhập cá nhân của người lao động. Từ đó, hai vấn đề được đặt ra. Một mặt, cộng đồng xã hội quyết định phân bố sản phẩm xã hội giữa đầu tư và tiêu dùng, rồi giữa tiêu dùng công cộng và tiêu dùng cá nhân như thế nào : từ những thảo luận công dân và chọn lựa thực sự dân chủ, hay từ những thoả hiệp quyền lực ở bên trong bộ máy nhà nước quan liêu và được thông qua một cách dân chủ hình thức ? Và phải hiểu thế nào qui định không cho những người lao động quyền biểu tình phản đối quyết định của bộ máy nhà nước, với lý lẽ rằng đó là nhà nước của chính họ ? »

Điểm liên quan đến vai trò dân chủ của cộng đồng trong việc quyết định chi tiêu trên không hiểu có dựa trên quan điểm nào rõ rệt của Lenin không hay chỉ là vài câu phát biểu thoáng qua về mục tiêu của xã hội chủ nghĩa? Và thực tế Lenin quan niệm như thế nào về vai trò dân chủ trong cộng đồng? Marx rải rác nơi này nơi kia cũng có vài câu về xã hội chủ nghĩa như không còn mua bán (tức là không có thị trường), mà cộng đồng sẽ quyết định việc sản xuất và phân phối đến cho từng người. Tức là hình thức một xã hội chủ nghĩa rất không tương vào giai đoạn của Lenin, cũng như vào giai đoạn hiện nay và trước mắt. Một xã hội công dân dân chủ, tự chủ của những người làm chủ tư liệu sản xuất có thể hiểu theo nghĩa « cộng đồng quyết định » như trên không? Nhưng tất nhiên, như anh Hạc phân tích nó sẽ dẫn đến tình trạng vô chính phủ trong sản xuất và phân phối đã xảy ra năm 1918. Có lẽ Lenin đã ý thức rất rõ là để « cộng đồng quyết định » là điều không tưởng và do đó Lenin đã trở lại chấp nhận hình thái một nhà nước quan liêu đứng trên dân, chỉ nhằm đối phó với tình hình khó khăn trước mắt và quên bản đến mục tiêu cũng như thể chế của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Anh Hạc đã viết.

« Tiếp theo sau những đợt quốc hữu hoá doanh nghiệp đã đưa tới một tình trạng vô chính phủ trong sản xuất, chính quyền xô viết phải tiến hành một loạt biện pháp chỉnh đốn : thiết lập hệ thống hành chính của các hội đồng kinh tế quốc dân nhằm nắm lại quyền quản lý tập trung các doanh nghiệp nhà nước, thay cho chế độ kiểm

soát của công nhân dựa trên các uỷ ban nhà máy ; hạn chế thẩm quyền của các uỷ ban nhà máy này vào công tác kỷ luật lao động và tuyên truyền giáo dục ; tập trung quyền hành trong doanh nghiệp vào chức vụ giám đốc, người lao động ở cơ sở không còn quyền bầu cử, bãi miễn cán bộ ; chỉ định những nhà tư bản cũ, chuyên gia tư sản vào vị trí lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước, hội đồng kinh tế quốc dân, và mở rộng thang lương cán bộ lên đến hơn năm lần mức lương tối thiểu.v.v.. Các quyết định này đã tạo căng thẳng với quần chúng lao động và gây ra một cuộc tranh luận gay gắt với đối lập ‘cộng sản cánh tả’. Lênin đã phải xác định rằng đó không phải là biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội và càng không phải là ‘phương pháp xô viết’. Các biện pháp này chỉ có tính cách tình thế và mang nội dung tư bản chủ nghĩa nhà nước, trong đó phải hiểu ‘tư bản không phải là tiền vốn mà là những quan hệ xã hội nhất định’. Nói về quyết định thay đổi chế độ phân phối, Lênin xác nhận rằng đó là ‘sự từ bỏ trong một chừng mức nào nguyên tắc của Công xã Paris và mọi chính quyền vô sản’, theo đó các loại thù lao không được vượt mức lương công nhân cấp trung. Ông nhấn mạnh : ‘Phải giải thích rõ ràng lý do của bước lùi này’, bởi vì ‘che giấu’ điều đó tức là ‘lừa gạt quần chúng’. Tuy được gọi là biện pháp tình thế hay lùi bước, các chế độ phi xã hội chủ nghĩa và phi xô viết đó đã tồn tại kéo dài sau khi Lênin mất, rồi ngày càng được củng cố thêm đến chỗ trở thành - từ những năm 1930 trở đi - nội dung đương nhiên của những quan hệ về tổ chức lao động, quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm mang danh ‘xã hội chủ nghĩa’ ở Liên xô.»

Ở đoạn trước đó anh Hạc cũng đã viết Lênin đã nghĩ tới những biện pháp quân bình nhằm bảo vệ công nhân :

« Trong những điều kiện đó, có thể hình thành những mâu thuẫn, đặc biệt là ‘một sự đối lập về quyền lợi’ giữa quần chúng công nhân và bộ máy nhà nước quan liêu, cho nên những công đoàn phi nhà nước hoá là cần thiết để ‘bảo vệ công nhân chống lại nhà nước của họ’.»

Nói tóm lại chế độ xã hội chủ nghĩa từ thời Lenin vẫn chỉ xoay từ tước hữu để hình thành nhà nước quan liêu, thất bại thì trở lại chấp nhận tư hữu nhưng vẫn tiếp tục hình thái nhà nước quan liêu. Dĩ nhiên giai đoạn lùi bước mang một hình thức khác hẳn : có tư hữu và do đó người có tư hữu có thể thoát khỏi ở một mức độ nhất định « vòng kim cô » của nhà nước quan liêu. Và cái nhà nước quan liêu đó có thể làm cho đỡ quan liêu đi khi vai trò dân chủ và tự chủ của người dân được phát huy. Lenin đã nói đến vai trò của công đoàn phi nhà nước nhằm cân bằng lại sức mạnh của nhà nước quan liêu. Và ngoài ra là còn các thể chế khác nhằm cân bằng sức mạnh của nhà nước như thể chế phân quyền chẳng hạn mà có thể ông không nói tới. Kết hợp một đảng chuyên chế, một nhà nước do đảng lãnh đạo và cử ra và một thể chế dân chủ lại là vấn đề nhứt đầu khác nữa.

Nhưng có thể nói cho đến nay nội dung xã hội chủ nghĩa đích thực là điều chưa ai tưởng tượng được và có lẽ chưa ai đưa ra được một học thuyết nào đáng để ý.

Cho nên tôi chỉ có thể tưởng tượng được một nhà nước nhân danh lao động trên một cơ sở thể chế mà tính quan liêu nhà nước bị giảm thiểu đến mức tối thiểu. Mà muốn giảm tính quan liêu thì người công dân phải có tư sản, có thể tự lao động để sống, tức là thoát ra khỏi vòng kiềm chế toàn diện của nhà nước; nhà nước thì lại cần phân quyền nhằm hạn

chế độ quyền và nhân dân phải được bảo đảm dân chủ. Nói tóm lại là không thể thoát khỏi một thể chế tư bản mang tính nhân bản trong giai đoạn hiện nay và sắp tới. Trên cơ sở đó, tôi đã phê phán học thuyết thặng dư lao động của Marx (coi bài ở <http://www.viet-studies.org/Maine2002.htm>). Phê phán này như anh Hạc đã ghi trong chú thích là dựa vào lý thuyết kinh tế thị trường có tư hữu. Anh Hạc phê phán lại là :

« Những đề xuất trong đảng cộng sản về định nghĩa quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa hạn chế trong hình thái lợi nhuận doanh nghiệp và đề xuất của Vũ Quang Việt giới hạn lại phạm trù giá trị thặng dư vào hình thái lợi nhuận doanh nghiệp đó xuất phát từ những cách đặt vấn đề khác nhau, kết luận thực tiễn không giống nhau. Song, về mặt thuần lý luận, cả hai loại đề nghị đều cho thấy rằng những phân tích phê phán của Marx về sự sùng bái tư bản không phải là thừa.»

Đoạn phê phán trên chỉ có ý nghĩa nếu tôi chấp nhận hoàn toàn học thuyết thặng dư của Marx.

II. Vấn đề bóc lột, lương lao động và lợi nhuận siêu ngạch

1. Thặng dư lao động

Tôi không bác bỏ là lãi và lợi nhuận là thặng dư có nguồn gốc từ lao động. Nhưng cho rằng thặng dư này chỉ bắt nguồn từ lao động sống tức là từ lao động mà trong quá trình tạo ra thặng dư đó họ là người tham gia. Marx đưa ra lý luận này vì ông cho rằng lao động quá khứ tham gia vào việc tạo ra máy móc dùng trong sản xuất đã được chiết khấu rồi. Do đó Marx khẳng định tư bản dùng để mua máy móc nhà xưởng hoặc dùng để làm vốn lưu động không tạo thêm ra gì hết. Lãi và lợi nhuận mà chủ sở hữu thừa hưởng chỉ là chiếm hữu thặng dư lao động sống vì một lý do đơn giản là *họ làm chủ tư bản*. Tôi cho rằng đây là một khẳng định hơn là một chứng minh. Và tôi có thể đồng ý với khẳng định này, nếu như con người toàn hảo trong một xã hội toàn hảo, không cần đến chi trả cho vốn tư bản mà chủ tư bản bỏ ra hoặc cho vay. Vấn đề đặt ra là người lao động có thực sự làm chủ tư bản không? Lấy thặng dư lao động làm của công để đầu tư vào máy móc nhà xưởng có thực sự do công nhân quyết định không? Và nếu việc làm lợi, như tăng thêm của cải xã hội, có thực sự đem đến đời sống cao hơn cho chính họ hay con cái họ không? Thặng dư là lấy từ những người lao động cụ thể, nhưng mục tiêu của tư bản được tập hợp lại là cho người khác. Người khác ở đây có thể là chính những người lao động cụ thể trên, và có thể là người khác thật. Như vậy đã có sự tách biệt giữa người lao động và của cải họ làm ra. Sợi dây nối liền người lao động và của cải của họ là Đảng, nhà nước hay tập thể, nhân danh lợi ích của người lao động cụ thể. Tình trạng alienation của con người trong thể chế này là quá rõ ràng.

Thực tế cho thấy chi trả cho việc dùng vốn tư bản là điều hợp lý, nếu không nói là công lý để huy động vốn không dùng tới. Dùng « dân chủ », « tập thể » để quyết định việc sử dụng thặng dư là hết sức xa vời. Chi trả lãi để sử dụng vốn không được dùng ngay cho chính người lao động cụ thể là phương pháp tránh việc nhà nước nhân danh lao động bóc lột thặng dư. Và nếu phần chi trả này là chính từ thặng dư theo quan điểm của Marx thì ta vẫn thấy cái lý của việc phân chia cái bánh thặng dư để xã hội có một cái bánh lớn hơn trong tương lai. Điều lập luận này có thể nói là cơ sở của kinh tế thị trường và việc nhận

định giá trị thặng dư là trên cơ sở đó. Dĩ nhiên kinh tế thị trường có thể bị lũng đoạn bởi những người có tư sản lớn, đặc biệt là tư sản tài chính có tính toàn cầu hiện nay do đó trong bài đã viết tôi đưa đến lập luận là cần có một thể chế thị trường gần toàn hảo, chống lũng đoạn và bảo đảm cạnh tranh. Anh gọi tư bản tài chính là tư sản « ảo ». Tôi thì chẳng thấy nó ảo chút nào chừng nào mà kinh tế thị trường vẫn hiện diện. « Ảo » tất nhiên là theo nghĩa của Marx, tức là nó không tạo ra giá trị và những gì mà người bỏ vốn nhận được là từ thặng dư của người khác. Đây là lý luận hết sức trừu tượng, không phản ánh thực tế. Của « ảo » do chính người lao động tạo ra, mà khi đem cho vay mà không được hưởng một tí lợi [phần thưởng] nào thì họ có thánh nhân mới sẵn sàng làm. Về mặt lý thuyết, xoá bỏ tư hữu cũng không nhất thiết xoá bỏ được cái ảo đó, nếu như người lao động không tiêu hết được những giá trị họ làm ra trong thời kỳ sản xuất. Hơn nữa xoá bỏ tư hữu lại không thực tế vì như vậy nó sẽ được thay thế bằng cái gì đây? Nhà nước nhân danh? Nhà nước quan liêu chăng? Hay tập thể, cộng đồng dân chủ thực sự? (và làm sao cộng đồng dân chủ thực sự này hoạt động hiệu quả để tự tồn tại?) Nhìn rộng ra hơn phạm vi một nước, việc sử dụng vốn tư bản của nước khác không thể không phải trả giá. Hay một cái gì khác mà mọi người còn đang chờ đợi câu trả lời. Và dù có câu trả lời thì liệu ta có nên dấn thân vào một cuộc thử nghiệm đắt giá nữa không như tôi đã nêu ra trong bài tôi đã viết?

Phê phán chủ nghĩa tư bản của Marx rất có giá trị và còn có giá trị dài lâu, nhất là phương pháp luận phê phán nhằm cải cách chế độ tư bản, nhưng để làm cơ sở cho một cuộc cách mạng lật đổ chế độ tư bản thì tôi e rằng lý thuyết của Marx không phải là câu trả lời cho giai đoạn hiện nay và trước mắt.

2. Vấn đề tư bản tri thức và lợi nhuận siêu ngạch

Tôi chỉ đặt vấn đề là liệu người bỏ vốn (tri thức hoặc tiền bạc), tức là chủ tư sản có quyền nhận phần từ thặng dư này không? Và vấn đề nhận này có tính công lý không hay là bóc lột lao động? Dĩ nhiên câu hỏi này chỉ có ý nghĩa trong một xã hội tư bản. Lãi và lợi nhuận tất nhiên là do cung cầu của thị trường quyết định. Cũng như lý luận về tính hợp lý của phân phối lại thặng dư cho chủ tư bản, tôi cũng đặt vấn đề về phân phối lại cho chủ tư bản tri thức.

Anh Hạc viết về Marx :

«Trong *Tiền lương, giá cả và lợi nhuận*, Marx nhấn mạnh rằng tiền lương (giá trị trao đổi sức lao động) và lợi nhuận (giá trị thặng dư) đều vô định : tiền lương có mức tối thiểu nhưng không có mức tối đa ; lợi nhuận chỉ bị giới hạn bởi mức tối thiểu có tính sinh lý của tiền lương và mức tối đa có tính sinh lý của ngày lao động. Giữa những giới hạn đó, tiền lương cũng như lợi nhuận có ‘một thang biến thiên bao la’, và do đó ‘cuộc đấu tranh không ngừng giữa tư bản và lao động’ có tính quyết định: ‘Chung quy là vấn đề so sánh lực lượng giữa các bên đấu tranh’.»

Nói chung phân tích của Marx là đúng, nhưng đúng có mức độ. Trên bình diện vĩ mô, có biến thiên về tiền lương giữa mức tối đa và mức tối thiểu, nhưng biến thiên này không phải là vô hạn định trong khoảng cách cho phép nếu có cạnh tranh trên thị trường. Thừa vốn sẽ giảm lãi suất, lãi suất giảm sẽ đẩy mạnh đầu tư, đầu tư tăng tạo ra nhiều sản phẩm,

tất sẽ tạo áp lực giảm giá, và lợi nhuận sẽ giảm. Tăng sản xuất cũng sẽ đòi hỏi tăng lao động do đó tạo áp lực tăng lương. Khi nền kinh tế chuyển từ thuần nông sang công nghiệp thì do lao động ở khu vực nông nghiệp quá thấp, lao động lại dư thừa cho nên tư bản sơ khai có thể trả giá lao động rất thấp, bóc lột dã man. Nhưng khi tư bản công nghiệp phát triển thì thị trường lao động không phải dư thừa như thuở ban đầu cho nên cạnh tranh đã có tác dụng nâng lương. Tất nhiên cũng do đấu tranh của giai cấp thợ thuyền mà các nước tư bản đã phải áp dụng các chính sách xã hội như qui định lương tối thiểu.

Ở cả mức vi mô và vĩ mô, khi bàn đến lợi nhuận siêu ngạch tôi đã liên quan nó với lao động phát kiến (có thể chỉ là vấn đề đặc thù nhưng là động lực cho phát triển) và điều này chính là điều Marx không bàn tới cụ thể. Mức tối đa của tiền lương/lợi nhuận này không chỉ bị giới hạn bởi tính sinh lý của ngày lao động. Một lao động làm chủ sáng tạo vượt ngoài tính sinh lý của ngày lao động. Tôi lấy một thí dụ rất thô thiển như đã viết trong bài của tôi. Một lao động sáng tạo chỉ cần dùng vài người lao động làm thuê, thậm chí anh ta có thể làm một mình, làm ra một sản phẩm ai cũng thấy giá trị tăng năng suất của nó, tức là tăng tổng khối thặng dư của toàn xã hội, mà tất cả những người lao động khác không phải làm thêm giờ hoặc tăng cường độ lao động một chút xíu nào, do đó thị trường sẵn sàng chia cho anh phát kiến phần lớn thặng dư xã hội vừa mới tạo ra. Vậy thì thặng dư toàn xã hội tăng thêm lên kia (khối màu đen ở hình dưới) là thuộc về anh phát kiến hay thuộc về những người lao động hoặc do anh ta thuê hoặc làm việc ở các hoạt động kinh tế khác trong xã hội? Ở đây tôi nói ở cấp độ vĩ mô, tức là bàn đến thặng dư toàn xã hội.



Đây chính là điểm tôi bàn về Marx mà anh Hạc cho là tôi lầm lẫn ở chú thích 67:

«Do nhầm lẫn giữa hai cấp độ trừu tượng hoá trong phân tích tư bản (tư bản nói chung / tư bản trong tính đa dạng), bài viết của Vũ Quang Việt cho rằng phạm trù lợi nhuận siêu ngạch không có chỗ đứng trong lý luận của Marx : ‘Lý thuyết thặng dư của Marx phân tích có tính trừu tượng hoá, giản lược mọi trường hợp và tình trạng trung bình, do đó các trường hợp đặc biệt như trường hợp sang kiến nói trên [siêu lợi nhuận xuất phát từ sáng kiến và phát minh tăng năng suất] không có chỗ đứng’ (Vũ Quang Việt, tài liệu đã dẫn, tr. 10).»

Marx không bàn tới nguồn gốc cụ thể của lợi nhuận siêu ngạch, mà có thể tạo ra do tìm ra thị trường mới, sản phẩm mới hoặc áp dụng tư bản cố định (máy móc) mới có năng suất cao. Tôi cụ thể hoá vào tri thức phát kiến mà ở mức độ nào đó được phản ánh qua tư bản cố định mới. Dĩ nhiên khi bàn về tư bản tri thức thì cũng có người có thể phê phán ngay là: đây là tư bản chết được tích tụ qua nhiều thế hệ và được anh phát kiến sử dụng do đó không hoàn toàn là lao động của anh đó mà phần lớn là lao động xã hội. Nhưng rõ ràng là không thể giản lược đưa về giờ lao động thông thường, bởi vì không thể định giá nó trước khi nó thể hiện ở thị trường.

3. Phân phối lại thặng dư

Tư hữu cũng đặt ra nhiều vấn đề mà xã hội cần giải quyết để đi đến một cái mà ta có thể gọi là đồng thuận xã hội. Tư hữu có thể do chiếm đoạt phi pháp, có thể do thị trường không hoàn hảo từ quá khứ, do may mắn, do sinh ra đã có lợi thế hoặc do tri thức của xã hội đã tích tụ, v.v. Công lý đòi hỏi sự phân phối lại. Nếu không thế, việc đóng thuế lũy tiến, đánh thuế tài sản hiện có hoặc đánh thuế tài sản kế thừa trở nên phi lý. Dù không coi đó là công lý thì nhu cầu đồng thuận xã hội cũng đòi hỏi phân phối lại. Tôi cho rằng việc phân phối lại thặng dư cho lãi và lợi nhuận thì nên để thị trường hoàn hảo quyết định là tốt nhất. Muốn thị trường hoàn hảo thì không thể không có bàn tay con người mà cụ thể là nhà nước. Các loại phân phối lại khác phải từ nhà nước. Tôi không thể hình dung nổi việc phân phối lại có thể định đoạt bởi một cộng đồng bình đẳng, tự nguyện và tự chủ.

4. Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam có quyền làm chủ tư bản không?

Về điểm này anh Hạc đặt vấn đề rất đúng. Đảng viên đã lấy lãi thì việc này có khác gì thu lấy thặng dư lao động của người khác nếu như ta theo đúng lý thuyết thặng dư của Marx. Đi xa hơn một chút ta có thể lý luận là nếu Đảng cộng sản lấy lý thuyết thặng dư và xoá bỏ tư hữu là tín điều, là kim chỉ nam thì việc lấy lãi và thu nhập thặng dư khác là điều phi lý. Có khác gì một người lấy quyết định của giáo hội công giáo La Mã làm tín điều, chấp nhận làm kẻ tu hành thì làm sao lại có thể lấy vợ trừ khi giáo hội La Mã thay đổi quan điểm. Hành động phải đi đôi với lời nói. Việc cho phép đảng viên làm tư bản, thu thặng dư chỉ có thể hiểu được nếu đảng chưa phải là đảng cộng sản. Và như thế trở lại vấn đề đã đặt ra ở đoạn I, đảng cho phép tư hữu chưa thể là một đảng cộng sản.